

Bản án số: 397/2020/HC-PT

Ngày: 18/11/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 14/2020/TLPT-HC ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8151/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Đồng Duy N, sinh năm 1959; trú tại: Số 8D, Đ, tổ K (nay là số 08 đường H), phường S, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông N: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1964; cư trú tại: số 8D, Đ, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Lê Đình C - Công ty luật TNHH 24h thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ: Số 6 đường H, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng;

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Đình Ô - Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Đoàn Văn H1 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận H, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Đồng Xuân H2, sinh năm 1983 và chị Đồng Thị T, sinh năm 1990; cùng trú tại: Số 8D, Đ, tổ K (nay là số 08 đường H), phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; anh H2, chị T đều ủy quyền cho bà mẹ đẻ là bà Bùi Thị H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi là ngày 10/11/1987 ông N mua của ông T1 diện tích khoảng hơn 300m² có giấy viết tay. Sau này ông N có chia tách cho các con sử dụng là Đồng Thị T và ông Đồng Xuân H2 nhưng chỉ bằng miệng. Tuy nhiên khi UBND quận H không thu hồi đối với toàn bộ 342,2m² của ông N, Quyết định 1919/QĐ-UBND của UBND quận H ghi thu hồi của ông N 142,2m² là không đúng thực tế. Các phương án bồi thường, UBND quận H cũng không thực hiện đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Về việc xác định nguồn gốc đất không đúng: UBND quận H đã xác định nguồn gốc đất là do ông T1 tự san lấp sử dụng để trồng cây lâu năm 1985 là không đúng. Thực tế diện tích đất ông T1 bán cho ông N nằm trong tổng diện tích đất của bà G (mẹ ông T1). Tại các phương án bồi thường đối với hộ ông T1 đều ghi nhận: *"Qua xác minh: năm 1959, bà G (mẹ ông T1) khai hoang. Năm 1985 bà G cho ông T1 xây dựng một ngôi nhà ở"* Diện tích đất của ông T1 chuyển nhượng cho ông N cũng nằm trên phần diện tích của cụ G để lại cho ông T. Vì vậy, nguồn gốc đất của ông N phải được ghi nhận do cụ G khai hoang từ năm 1950, sau đó năm 1983 giao lại cho ông T1, ông T1 xây nhà để ở, đến năm 1987 thì bán lại cho ông N.

- Về việc xác định loại đất không đúng: UBND quận H căn cứ hồ sơ địa chính phường S năm 1995 để xác định diện tích đất của ông N là loại đất ao. Hồ sơ địa chính năm 1995 được lập sau và không căn cứ vào thực tế sử dụng đất. Thửa đất được hình thành từ năm 1959 từ khi chưa có loại bản đồ quản lý nào. Trên đất có nhà ở từ năm 1985. Từ năm 1985 đến thời điểm thu hồi đất sử dụng vào mục đích để ở kết hợp với chăn nuôi. Các Biên bản kiểm kê do UBND phường S lập có dấu hiệu giả mạo. Do đó phải căn cứ khoản 1 Điều 2 Nghị định

số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ để xác định loại đất; khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai, khoản 1 Điều 2 Quy định kèm theo Quyết định số 1394/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND thành phố ban hành quy định về hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất có ao vườn tại phường S, thì diện tích 342,2m² đất bị thu hồi của ông N phải được công nhận là đất ở.

- Về chủ sử dụng đất: Ông N là chủ sử dụng đất trên giấy tờ mua bán với ông T1 nhưng trong hồ sơ địa chính và phương án bồi thường lại ghi UBND phường là người quản lý, sử dụng là không đúng thực tế.

- Về áp giá bồi thường, hỗ trợ sai: Diện tích 342,2m² đất của ông N phải được bồi thường là giá đất ở nhưng UBND quận H bồi thường với giá 0 đồng. Đề nghị Tòa án hủy:

+ Quyết định 1919/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 của UBND quận H về việc ban hành Quyết định thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng Chợ đầu mối rau, quả tại phường S, quận H.

+ 03 Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án chợ đầu mối rau quả tại phường S, quận H ngày 20/10/2017 của UBND quận H.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất trình bày:

- Về nguồn gốc đất bị thu hồi: Căn cứ hồ sơ địa chính của UBND phường Sở Dầu năm 1995, diện tích bị thu hồi thuộc thửa số 13 tờ bản đồ số 40 là đất ao, đứng tên chủ sử dụng đất là UBND phường. Qua xác minh, hộ ông T1 tự san lấp sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm từ năm 1985. Đến năm 1987 ông T1 chuyển nhượng cho ông N theo Giấy viết tay diện tích 300m² không có xác nhận của chính quyền địa phương.

Ông N đã tự chia tách cho các con, không có văn bản xác nhận của chính quyền địa phương, cụ thể là hộ ông N sử dụng 142,2m², hộ ông Đồng Xuân H2 sử dụng 100m², hộ bà Đồng Thị T sử dụng 100m².

UBND quận H đã ban hành 03 Quyết định thu hồi đất cụ thể 142,2m² ông N đang sử dụng, 100m² hộ ông Đồng Xuân H2 đang sử dụng, 100m² hộ bà Đồng Thị T sử dụng, tổng cộng là 342,2m² là hoàn toàn đúng so với diện tích đất thực tế hộ ông N đang sử dụng.

Về các phương án, bồi thường hỗ trợ: Tại thời điểm kiểm đếm năm 2015 đã xác định tài sản trên đất của hộ ông N bao gồm một số loại cây, 01 chuồng lợn mái tôn xi măng tường gạch chỉ 110, 02 bức tường ngăn, 01 chuồng gà mái tôn xi măng (có lập biên bản và ông N ký xác nhận). Đến năm 2016 UBND

phường S lập Biên bản vi phạm hành chính việc ông N thi công xây dựng công trình trên phần đất nông nghiệp đã có quy hoạch và đã được kiểm kê để lập phương án bồi thường từ năm 2015. Ngày 24/12/2016 UBND phường S đã ban hành Quyết định số 164/QĐ-UBND về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với hộ ông N. Ngày 27/12/2016 UBND phường S đã ban hành Quyết định số 165/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm xây dựng đô thị đối với ông N. Do đó các công trình ông N xây dựng sau thời điểm kiểm kê năm 2015 là vi phạm và không được đưa vào để lập phương án bồi thường. Ngoài ra, theo nguồn gốc đất như nêu trên, ông N không trực tiếp sản xuất nông nghiệp đồng thời không ăn ở trên đất nên không đủ điều kiện bồi thường về đất nông nghiệp.

Việc UBND quận H ban hành Quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi cho gia đình ông N là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đồng Xuân H2, Đồng Thị T thống nhất trình bày:

Bố mẹ anh chị có diện tích 342m² chưa chia tách chính thức cho các con mà chỉ giao bằng miệng cho anh H2 và chị T mỗi người 100m² để ở và trồng nom, quản lý nuôi lợn, nuôi gà. Về nguồn gốc đất anh chị được nghe bố mẹ kể lại là đã mua mảnh đất trên của ông Bùi Hữu T1 từ năm 1987, trên đất có 01 căn nhà lợp giấy dầu. Cuối năm 1996 gia đình anh chị đi Hồng Kông về thì bố mẹ anh chị đã sửa thành nhà lợp rạ. Đến năm 2007 do nhà lợp rạ bị bão gió, thì tháng 6/2007 đã sửa lại thành 02 căn nhà, một căn 02 gian, một căn 01 gian vị trí cách nhau 10m và cũng cải tạo thêm cả chuồng lợn, chuồng gà. Đến cuối năm 2007 bố mẹ anh chị giao chị T quản lý, sử dụng nhà 01 gian; giao cho vợ chồng anh H2 quản lý, sử dụng nhà 02 gian. Khi UBND quận H thu hồi toàn bộ diện tích 342m² đất trên thì không có cán bộ nào tiến hành đo đạc, kiểm kê. Vào tháng 11/2017 có 02 cán bộ tên là H3 và L bảo bác của anh chị (vợ ông Bùi Hữu T1) mở cửa vào đo đạc, không có mặt gia đình anh chị, cũng không thông báo cho gia đình biết về việc đo đạc này. Về phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND quận H đứng tên Đồng Duy N, Đồng Xuân H2 và Đồng Thị T thì anh chị không được nhận mà chỉ nghe bố mẹ kể lại. Thực tế hiện nay gia đình anh chị chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi này. Về việc khởi kiện của ông N, anh chị nhất trí với quan điểm của ông N, thực tế toàn bộ diện tích đất là của ông N, mọi quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc về ông N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 69 Luật Đất đai; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Duy N về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định 1919/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 của UBND quận H về việc ban hành Quyết định thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng Chợ đầu mối rau, quả tại phường S, quận H.

- 03 Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án chợ đầu mối rau quả tại phường S, quận H ngày 20/10/2017 của UBND quận H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/11/2019, người khởi kiện là ông Đồng Duy N có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo ủy quyền của ông N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N trình bày: Đất của ông N cùng thửa với đất của ông T1, nhưng khi xem xét thu hồi, bồi thường Ủy ban nhân dân phường S không xác minh về nguồn gốc đất của ông N. Việc lập các văn bản chỉ có ý nghĩa cho đầy đủ hồ sơ mà không xem xét đến quyền lợi của ông N. Ủy ban nhân dân phường S căn cứ vào văn bản xử lý vi phạm năm 2016 để không thực hiện việc bồi thường đối với tài sản của hộ gia đình ông N là không đúng. Vì các văn bản xử lý vi phạm được lập không đúng thời điểm. Năm 2016, gia đình ông N không xây dựng công trình nào, toàn bộ công trình đã được gia đình ông N xây năm 2006. Các văn bản lập năm 2016 là không đúng quy trình xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng theo quy định pháp luật. Biên bản kiểm kê năm 2017 bộc lộ nhiều sai phạm về hình thức và nội dung, ghi thiếu tài sản nên hộ gia đình ông N không đồng ý với biên bản, nhưng không được xem xét. Trước khi có quyết định thu hồi đất, Ủy ban nhân dân phường S không thực hiện việc tổng đạt thông báo thu hồi đất cho ông N là trái luật. Bản đồ địa chính năm 1995 không đảm bảo giá trị pháp lý, đo vẽ không đúng hiện trạng sử dụng đất. Căn cứ theo khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai và quy định về hạn mức đất ở đối với trường hợp đất có vườn ao tại phường S là không quá 5 lần hạn mức đất ở là 2.000m². Như vậy, thửa đất bị thu hồi mới có 335,1m² của ông T1 được công nhận là đất ở nên 342m² đất bị thu hồi của ông N cũng được công nhận là đất ở, không phải đất ao. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Việc xác định nguồn gốc đất của ông T1 và ông N là khác nhau là do các thửa khác nhau. Hộ ông T1 có 4 nhân khẩu ăn ở thực tế tại đất, còn hộ nhà ông N thực tế không có nhà ở, không sinh sống tại đất. Ngày 07/9/2019, Ủy ban nhân dân quận H đã tổ chức cuộc họp về nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông N, thì các hộ dân sinh sống tại nơi có đất bị thu hồi khẳng định là gia đình ông N chưa bao giờ sinh sống tại đất, khi mua đất chỉ có chòi trồng cá trên đất. Hồ sơ địa chính năm 1995 được các cơ quan sở ngành xác nhận, có các chữ ký của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường S, Sở địa chính nên việc lập bản đồ năm 1995 là đúng quy định pháp luật. Về khối lượng tài sản kê biên: Năm 2015, quận đã thực hiện kiểm kê chỉ có chuồng lợn, chuồng gà, sau đó hộ ông N xây dựng trái phép vật kiến trúc trên đất thì theo quy định pháp luật không được bồi thường về tài sản. Việc ký Biên bản kiểm kê ghi trong danh sách là đồng chí Phạm Việt H4 - Chủ tịch, phần cuối đồng chí Vũ Thế H5 là Phó Chủ tịch nên ký với tư cách là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường S. Năm 2017, đồng chí Vũ Thế H5 mới làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường S. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, sau khi nghe đương sự và luật sư tranh luận và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Nam; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự, luật sư; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tổ tụng:

Ngày 04/10/2018, ông Đồng Duy N có đơn khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 của UBND quận Hồng Bàng về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng Chợ đầu mối rau, quả tại phường S, quận H và 03 Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án chợ đầu mối rau quả tại phường S, quận H ngày 20/10/2017 của UBND quận H. Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại các Điều 30, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, ông Đồng Duy N có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện: Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng Chợ đầu mối rau, quả tại phường S, quận H và 03 Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án chợ đầu mối rau quả tại phường S, quận H ngày 20/10/2017 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai.

[2.2] Về nội dung ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện: Căn cứ sổ mục kê và Bản đồ địa chính do Ủy ban nhân dân phường Sở Dầu cung cấp, thì thửa đất của hộ ông N đang sử dụng thuộc thửa số 13, tờ bản đồ 40 là đất ao, chủ sử dụng là Ủy ban nhân dân phường S. Qua xác minh quá trình sử dụng đất thể hiện: Diện tích đất bị thu hồi do hộ ông T1 tự san lấp sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm từ năm 1985. Đến năm 1987 ông T1 chuyển nhượng cho ông N theo Giấy viết tay ghi diện tích 300m² không có xác nhận của chính quyền địa phương, ông N cho rằng thời điểm nhận chuyển nhượng đất từ ông T1 thì diện tích đất là đất ở và có căn nhà lợp giấy dầu trên đất.

Tại Biên bản kiểm kê các tài sản trên đất của hộ ông N (tách chủ sử dụng Đồng Thị T, Đồng Xuân H2) năm 2015 xác định trên đất không có nhà ở, chỉ có 01 chuồng lợn, 01 chuồng gà. Ngoài ra tại Biên bản về việc hợp xác minh nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Đồng Duy N ngày 17/9/2019, bà Nguyễn Thị H6 “Tổ trưởng tổ dân phố trình bày phần đất của hộ ông N trước đây có 01 cái chòi trồng cá của ông T1 được lập vào khoảng thời gian trước năm 1990, làm bằng tre nứa, mái lợp giấy dầu. Sau đó ông T1 sử dụng vào việc chăn nuôi. Chòi trên gia đình ông T1 không sử dụng để ở. Năm 2015 khi phối hợp với tổ kiểm kê, bà vào khu đất này mới được ông T1 cho biết đã bán lại cho ông N để nuôi lợn. Tại thời điểm kiểm kê năm 2015, trên đất chỉ có gian chuồng lợn, không có gian nhà ở và công trình xây dựng nào khác trên đất. Ngoài ra còn có ý kiến của bà Nguyễn Thị M, Vũ Thị H7, ông C1 đều là những người sống lâu năm tại khu vực có đất bị thu hồi cho biết không biết việc ông N mua đất của ông T1; cũng không thấy sự ông N1 đến sử dụng đất. Năm 2016, Ủy ban nhân dân phường S đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông N do xây dựng công trình trên đất trái mục đích sử dụng. Ông N cũng không có bất kỳ khiếu nại gì đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này. Ngoài Giấy mua bán viết tay giữa ông N và ông T1 không có xác nhận của chính quyền địa phương, ông N không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh diện tích

đất bị thu hồi là đất ở. Như vậy, có cơ sở khẳng định trước năm 2015, trên diện tích đất bị thu hồi không có nhà ở của ông N, gia đình ông N cũng không ăn ở, sinh hoạt trên đất mà chỉ sử dụng đất để nuôi lợn, nuôi gà; không có cơ sở xác định diện tích đất thu hồi của gia đình ông N là đất ở.

[3] Về việc Ủy ban nhân dân quận H ban hành Quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 03 chủ sử dụng Đồng Duy N, Đồng Xuân H2, Đồng Thị T là căn cứ theo đề nghị tách đất cho các con của ông N. Tuy nhiên việc chia tách đất này chưa hoàn tất theo quy định của pháp luật. Do đó việc ban hành Quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ mang tên Đồng Duy N, Đồng Xuân H2, Đồng Thị T là chưa đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thu hồi, bồi thường và hỗ trợ cho hộ gia đình ông N đã đảm bảo đúng diện tích mà gia đình ông N quản lý, sử dụng và tài sản trên đất được bồi thường, hỗ trợ. Anh H2 và chị T cũng xác định toàn bộ quyền lợi trên đất thuộc về ông N. Vì vậy việc này không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N, không cần thiết phải hủy quyết định.

[4] Ngoài ra, UBND quận H cũng đã đề nghị Công ty P đồng ý hỗ trợ khác bằng nguồn kinh phí của Công ty với mức cụ thể: Hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất là 100.000 đồng/m², hỗ trợ chuyển đổi việc làm, đời sống sản xuất đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp (360m²/hộ) là 400.000 đồng/m² đối với hộ sử dụng đất nuôi trồng thủy sản. Tổng số tiền hỗ trợ đối với gia đình ông N khoảng 170 triệu đồng là đã đảm bảo quyền lợi của gia đình ông N.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Duy N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đồng Duy N xuất trình tài liệu mới là Bản giám định ngày 16/10/2020 do Công ty luật TNHH 24H yêu cầu giám định đề nghị: Xác định tuổi mực của dòng chữ "Tại thời điểm kiểm tra ông N không có mặt" tại Biên bản số 45/BB-VPHC ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân phường S; xác định tuổi mực của dòng chữ "Tại thời điểm tổng đạt văn bản hộ ông N không có mặt" tại Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 24/12/2016 của Ủy ban nhân dân phường S về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng; và xác định tuổi mực của dòng chữ "Tại thời điểm tổng đạt văn bản hộ ông N không có mặt tại công trình vi phạm" tại Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của Ủy ban nhân dân phường Sở Dầu về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm xây dựng đô thị. Kết luận giám định đều khẳng định các dòng chữ do Công ty luật TNHH 24H yêu cầu giám định được viết sau thời điểm lập các văn bản từ 2 đến 5 tháng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Giám định tư pháp năm 2012 quy định: "*Người yêu cầu giám định là người có quyền tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trưng cầu giám định mà không được chấp nhận. Người có quyền tự mình yêu cầu giám định bao gồm đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ, trừ trường hợp việc yêu cầu giám định liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo*". Như vậy, việc Công ty luật TNHH 24H tự yêu cầu giám định là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Giám định tư pháp nêu trên và khoản 1 Điều 89 Luật Tổ tụng hành chính. Tại khoản 6 Điều 82 Luật Tổ tụng hành chính quy định thì "*Kết luận giám định được coi là chứng cứ nếu việc giám định đó được tiến hành theo thủ tục do pháp luật quy định*". Theo quy định này thì Bản giám định ngày 16/10/2020 của Trung tâm tư vấn, giám định dân sự do luật sư cung cấp không đủ điều kiện được coi là chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Mặt khác, việc kết luận giám định thời điểm viết các dòng chữ do luật sư yêu cầu giám định không đúng với thời điểm lập các văn bản của Ủy ban nhân dân phường S chỉ mang tính tương đối; thực tế, ông N có vi phạm hành chính khi xây dựng công trình trên phần đất nông nghiệp đã có quy hoạch và đã được kiểm kê để lập phương án bồi thường từ năm 2015. Hơn nữa, Bản giám định do luật sư cung cấp tại phiên tòa không phải là căn cứ pháp lý xác định gia đình ông N được bồi thường về đất ở theo yêu cầu của ông N và cũng không phải là căn cứ khẳng định việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân quận H là trái quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đồng Duy N, cũng như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông N, mà cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đồng Duy N phải nộp án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông N thuộc trường được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên Hội đồng xét xử miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Đồng Duy N.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Đồng Duy N; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2019/HC-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Đồng Duy N.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hải Phòng;
- VKSND tp Hải Phòng;
- Cục THADS tp Hải Phòng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Anh Dũng